| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>TỈNH TÂY NINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:31/2018/QĐST-HNGĐ | *Châu Thành, ngày 01 tháng* 02 *năm 2018.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 18/2018/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa:

*Nguyên đơn*: Anh Vũ Duy T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

- Anh Vũ Duy T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Chị Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Duy T và chị Nguyên Thị Hồng B thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Anh Vũ Duy T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con tên Vũ Duy Minh Đ, sinh ngày 18/02/2012; Vũ Duy Minh H, sinh ngày 15/8/2015. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh T không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản chị B quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

* Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Anh T, chị B khai không có.

* Về án phí: Anh Vũ Duy T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018676 ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Hoàn trả lại cho anh T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CT;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Minh Bình**